

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2011**

TP.HCM, THÁNG 4 NĂM 2012

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP
DẦU KHÍ SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 228A/BC-XLDKSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN
NĂM 2011

I. TÓM TẮT THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Thông điệp của PVC-SG

Ngày 28/12/2009 đánh dấu bước ngoặt mới trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) sau khi đổi tên từ Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Nam (PVC-MN) và sáp nhập Công ty CP Xây lắp Incomex (PVC-INCOMEX) theo định hướng đổi mới doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC).

Tự hào là thành viên của Đại gia đình PetroVietnam anh hùng, kế thừa truyền thống vinh quang của những người thợ xây dựng; với trái tim nhiệt huyết của những người đi tìm lửa, tình yêu và lòng say mê nghề nghiệp, tập thể CBCNV PVC-SG đã lao động không biết mệt mỏi để dựng lên những công trình to đẹp trên khắp mọi miền đất nước.

PVC-SG đã áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 và đang tiến hành tích hợp hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 với hệ thống quản lý sức khỏe an toàn và bệnh nghề nghiệp OHSAS 18001. Việc triển khai đồng thời các hệ thống này thể hiện quyết tâm gắn thương hiệu PVC-SG với những Công trình an toàn, chất lượng, tiến độ; gắn sự phát triển bền vững của Công ty với quyền lợi của các đối tác, khách hàng, cổ đông và cộng đồng xã hội.

Niềm tin của cộng đồng xã hội, của các đối tác khách hàng, các cổ đông và người lao động chính là thành công của PVC-SG.

2. Tầm nhìn, sứ mệnh

Tầm nhìn

PVC-SG nỗ lực vươn lên trở thành đơn vị dẫn đầu trong Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam – đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam trên lĩnh vực đầu tư và xây lắp. Chúng tôi mong muốn đem lại “niềm tin bền vững” cho mọi đối tác, nhà đầu tư và cộng đồng thông qua chính sách bảo vệ môi trường, an toàn tuyệt đối trong thi công và chú trọng công tác an sinh xã hội.

Sứ mệnh

Luôn mang lại cho cán bộ nhân viên, khách hàng, đối tác, các nhà đầu tư và cộng đồng sự tin cậy về uy tín chất lượng trong hoạt động đầu tư và xây lắp, quyết tâm đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Phương châm hành động của Công ty luôn xây dựng trên nền tảng là sự uy tín và hướng tới sự hợp tác lâu dài, bền vững.

3. Giới thiệu chung về Công ty PVC-SG

Tên gọi:	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.
Tên giao dịch quốc tế:	Saigon Petroleum Construction And Investment JSC.
Tên viết tắt:	PVC-SG.
Trụ sở chính:	11Bis Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.
Điện thoại:	(84-8) 3930 1980
Fax:	(84-8) 3930 1982
Email:	info@pvcs.com.vn
Website:	www.pvcs.com.vn
Vốn điều lệ:	350.000.000.000 đ (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
Vốn thực góp:	350.000.000.000 đ (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
Giấy CNĐKKD và đăng ký thuế số:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385 đăng ký lần đầu ngày 28/07/2008 (số ĐKKD 4103010930) và cấp thay đổi lần 8 ngày 27/06/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.
Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none">✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở);✓ Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không sản xuất, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);✓ Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;✓ Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng;✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;✓ Kinh doanh bất động sản.✓ Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp. Giám

sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ).

- ✓ Khảo sát trắc địa công trình. Hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); hoạt động trang trí nội thất; hoạt động đo đạc bản đồ.
- ✓ Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản. Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác: tư vấn về môi trường.
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc thiết bị cho sản xuất công nghiệp.
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.
- ✓ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Đại lý, Môi giới (trừ môi giới bất động sản).

Tài khoản số :

70070015645300016

Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Sài Gòn

4. Quá trình hình thành và phát triển

4.1. Quá trình hình thành PVC-SG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC – SG) theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ngày 10/12/2009 và sát nhập Công ty cổ phần Xây lắp Incomex vào theo Nghị quyết 18/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 28/12/2009.

4.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Incomex

Được thành lập từ năm 1993, Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex đã liên tục xây dựng và phát triển để trở thành một doanh nghiệp xây dựng hạng nhất. Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và tạo dựng một thương hiệu mạnh trên phạm vi toàn quốc.

Năm 1993, Công ty lần đầu được thành lập với tên gọi là Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu thuộc Sở Thương mại Hà Nội, đến năm 2004 Công ty được sáp nhập với Chi nhánh Hà Nội của Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng và được đổi tên thành Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Hà Nội.

Công ty được chính thức chuyển giao về Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo Quyết định chuyển giao số 4282/QĐ-UB ngày 12/07/2004 của UBND thành phố Hà Nội và được tiếp nhận theo Quyết định số 1531/QĐ-BXD ngày 29/09/2004 của Bộ Xây dựng.

Năm 2005, Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Hà Nội được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng.

Năm 2007, Công ty cổ phần Xây lắp Incomex được tách và được chuyển giao toàn bộ hoạt động xây lắp của Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng theo Quyết định số 137/QĐ-HĐQT ngày 19/7/2007 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/8/2007 của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần xây lắp Incomex.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp INCOMEX tại thời điểm sáp nhập với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là 80 tỷ đồng.

4.3. Lịch sử hình thành và phát triển PVC-MN

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam được thành lập theo Nghị quyết số 183/NQLT-ĐU-HĐQT-TCT, ngày 09/05/2008 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và trên cơ sở điều chuyển nhân sự từ chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại Vũng Tàu và Công ty PVC – Land tại TP.HCM.

Trên cơ sở đó, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam đã tiến hành họp vào ngày 08/7/2008 với sự tham gia của đại diện các cổ đông sáng lập là 03 pháp nhân (Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn, Công ty Cổ phần Xây dựng và TMDV Đại Kim), qua đó thông qua danh sách cổ đông góp vốn thành lập Công ty, bầu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam chính thức được thành lập từ ngày 28/7/2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010930, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp). Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm sáp nhập với Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex là 50 tỷ đồng.

4.4. Quá trình sát nhập

Ngày 14/01/2010 Sở KHĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn sau khi đổi tên từ Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam và sát nhập Công ty cổ phần Xây lắp Incomex với vốn điều lệ 130 tỷ đồng.

Ngày 30/7/2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng thông qua việc chuyển đổi trái phiếu. Ngày 27/08/2010 Sở KHĐT TP Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn với vốn điều lệ 350 tỷ đồng.

Các Chi nhánh hiện nay của Công ty:

- ✓ Chi nhánh Hà Nội: số 20/41 Linh Lang, Cổng Vị, Ba Đình, Hà Nội

5. Những sự kiện quan trọng

5.1. Việc thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC – SG) theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông

(ĐHĐCĐ) ngày 10/12/2009 và sáp nhập Công ty cổ phần Xây lắp Incomex vào theo Nghị quyết 18/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 28/12/2009.

5.2. Niêm yết chứng khoán

Ngày 15/03/2011, 35 triệu cổ phiếu với mã chứng khoán PSG của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quyết định số 51/QĐ-SGDHN ngày 28/01/2011 với nội dung sau:

- ✓ Mã chứng khoán: PSG
- ✓ Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 35.000.000 cổ phiếu
- ✓ Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 350.000.000.000 đồng

5.3. Các sự kiện khác

- Ngày 30/9/2010: PVC-SG bàn giao công trình Trung tâm thương mại chợ Hàng Da và công trình đã được gắn biển Công trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội.
- Ngày 30/9/2010: PVC-SG nhận Bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội vì đã có thành tích xuất sắc trong việc thi công dự án Trung tâm thương mại chợ Hàng Da.
- Ngày 23/01/2011: PVC-SG lọt vào Top 30 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển” lần thứ IV 2010.
- Ngày 15/3/2011: PVC-SG chính thức niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PVC-SG.
- Ngày 22/9/2012: PVC-SG đón nhận hệ thống quản lý tích hợp ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007
- Ngày 15/10/2011: PVC-SG đón nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2011 – Đạt danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2011, công tác xây dựng thương hiệu của PVC-SG đã đạt được một số ghi nhận nhất định khi Công ty được công nhận thuộc Top 30 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển” lần thứ IV 2010, được cấp chứng nhận hoàn thành hệ thống quản lý tích hợp ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007 do tổ chức BSI và được Hiệp hội doanh nhân Việt Nam trao giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2011 – Đạt danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam. Công ty cũng đã tiến hành niêm yết thành công cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán PSG.

2. Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Thực hiện năm 2011	Đạt tỷ lệ so với kế hoạch
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	350	
2	Tổng giá trị sản lượng	Tỷ đồng	1.038,5	94%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	920.281	98.4%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-85.8	0%
5	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	267,047	56%

3. Định hướng phát triển 2012

3.1. Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Kiện toàn và cơ cấu, tổ chức lại bộ máy của Công ty cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, sát nhập các phòng, ban chức năng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, giảm biên chế lao động cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

Tập trung xây dựng, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, trình độ lực lượng lao động, lực lượng quản lý điều hành chuyên nghiệp, đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của CBNV để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao trong công việc, đặc biệt là công tác thi công.

Kiện toàn cơ chế quản lý vật tư, thiết bị các công trình.

3.2. Công tác giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh

Tăng cường công tác giám sát, chỉ huy, điều hành các dự án đảm bảo chất lượng, an toàn và tiến độ thi công, tập trung nhân lực, vật lực thi công hoàn thành, bàn giao các dự án chuyển tiếp như: Dự án PetroVietnam LandMark, Chung cư Petroland Q.2, Chung cư Mỹ phú. Tiếp tục triển khai thi công các dự án: Chung cư Huỳnh Tấn Phát, B4 Kim Liên, Viện Điều dưỡng Sầm Sơn, Thanh Hóa. Thực hiện các dự án mới như: Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Trung tâm phân tích thí nghiệm và Văn phòng làm việc Viện Dầu khí phía Nam – TP.HCM... ngoài ra tập trung đẩy nhanh công tác thu hồi vốn và tìm kiếm đối tác, phát triển thị trường.

Thay đổi dần phương thức thi công, chú trọng phát triển máy móc, thiết bị, con người theo hướng thi công chuyên nghiệp các Công trình Công nghiệp, đặc biệt là các Công trình phục vụ công tác Dầu khí, nhiệt điện.

3.3. Các chỉ tiêu năm 2012

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2012
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	350
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	805
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	726
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33

5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24.7
6	Tỷ suất LNST/VLĐ	%	7
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%/VĐL	0
8	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	30

3.4. Công tác đầu tư

Đề tập trung tối đa nguồn lực tài chính và đi vào hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp trong công tác Xây lắp, PVC – SG kế hoạch trong năm 2012 tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng Dự án đã đầu tư, phần vốn góp vào các Công ty trong ngành.

Hội đồng quản trị chỉ đạo Giám đốc tăng cường công tác thu hồi vốn, rà soát lại các khoản chi phí, đảm bảo nguồn vốn kinh doanh linh hoạt và phê duyệt một số phương án sau:

- ✓ Phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty PVC-SG vào Công ty CP Dầu khí Nha Trang, Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí, vốn góp hợp tác kinh doanh dự án Văn phú – Hà Đông do Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí làm chủ đầu tư với giá trị vốn góp khoảng 30.3 tỷ đồng.
- ✓ Phương án chuyển nhượng phần vốn đầu tư vào dự án Khu dân cư phát triển khu vực 2, 3 Phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cho Công ty PVC- Mê Kông với giá khoảng 145 tỷ đồng.

3.5. Công tác giám sát tài chính

Năm 2012, Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý tài chính nội bộ nhằm tăng cường giám sát tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty và rà soát tất cả các khoản mục chi phí, cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết, giám sát chặt chẽ về thực hiện quy định, quy chế tài chính của công ty để hạn chế tối đa thất thoát, lãng phí và từng bước ngăn chặn các khó khăn do tác động của thị trường và trong công tác quản lý.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh năm 2011

1.1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của PVC-SG là xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và đầu tư bất động sản.

Theo báo cáo tài chính năm 2011 đã kiểm toán, doanh thu của PVC-SG đạt 912 tỷ đồng, tăng 108% so với 2010; lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt -87 tỷ đồng, giảm 273% so với 2010. Vốn điều lệ hiện tại là 350 tỷ đồng.

Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Bảng cân đối kế toán:

Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2010	2011	Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2010	2011
Doanh thu thuần	849	912	Tài sản ngắn hạn	854	1.042
Giá vốn	752	905	Tiền & các khoản tương đương tiền	140	15
Lợi nhuận gộp	97	7	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Doanh thu tài chính	8	7	Các khoản phải thu ngắn hạn	432	599
Chi phí tài chính	18	55	Hàng tồn kho	265	386
Lợi nhuận sau thuế	32	-87	Tài sản ngắn hạn khác	17	42
Chỉ số tài chính	2010	2011	Tài sản dài hạn	198	476
Chỉ tiêu tăng trưởng			Tài sản cố định	31	280
Tăng trưởng doanh thu (%)	164%	-108%	Bất động sản đầu tư	42	38
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế (%)	296%	-273%	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	88	72
Tăng trưởng EPS (%)	47%		Tài sản dài hạn khác	37	66
			Lợi thế thương mại	0	20
Tăng trưởng tổng tài sản (%)	94%	44%	Tổng tài sản	1.052	1.518
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu (%)	171%	0	Nợ phải trả	675	1.191
Chỉ tiêu sinh lời			Nợ ngắn hạn	607	1.110
Lợi nhuận gộp biên (%)	11%		Nợ dài hạn	68	81
Lợi nhuận thuần biên (%)	4%		Vốn chủ sở hữu	377	267
ROA (%)	3%		Vốn đầu tư chủ sở hữu	377	267
ROE (%)	8%		Lợi ích cổ đông thiểu số	-	60
Chỉ tiêu cơ cấu vốn			Tổng nguồn vốn	1.052	1.518
Tổng nợ/Tổng tài sản (%)	64%	%	Bảng lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)	2010	2011
Tổng nợ vay/Tổng tài sản (%)	26%	%	Từ hoạt động kinh doanh	65	-185
Chỉ tiêu trên mỗi cổ phần			Từ hoạt động đầu tư	-269	-88
EPS (đồng/cổ phần)	915		Từ hoạt động tài chính	335	148
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	10.782		Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	131	-124
Chỉ tiêu định giá			Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	9	139
P/E	10,8		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
P/B	0,9		Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	140	15

1.2. Các nguyên nhân gây lỗ trong năm tài chính 2011

a. Sản xuất kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là : Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp. Trong năm 2011 các công trình Công ty thi công chủ yếu là các Chung cư cao tầng. Với đặc trưng các công trình nhận thầu là :

- ✓ Công ty nhận thầu xây dựng theo phương thức trọn gói không thay đổi giá trong suốt quá trình thực hiện.
- ✓ Công trình vừa thiết kế vừa thi công, thời gian chờ phê duyệt thiết kế của chủ đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền gây nên sự chậm trễ trong việc bàn giao hồ sơ được thẩm duyệt.
- ✓ Thị trường bất động sản chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn vay trong khi nguồn vốn này chịu sự tác động trực tiếp của công cụ chính sách tiền tệ để giảm lạm phát từ Ngân hàng trung ương đẩy chi phí lãi vay tăng cao và biến động khó lường về mặt tài chính
- ✓ Công trình vừa thi công, vừa giải phóng mặt bằng không có mặt bằng sạch để Công ty thi công liên tục, vừa thi công, vừa phải chờ đợi.

Với các nguyên nhân chính trên dẫn đến thời gian thi công thực tế dài hơn rất nhiều so với tiến độ đã đề ra. Do thời gian bị kéo dài, các đơn giá vật tư, nhân công, thuê máy móc thực tế khi thi công tăng cao hơn nhiều so với đơn giá trong dự toán ban đầu khi ký Hợp đồng dẫn đến các khoản lỗ trên giá thành rất lớn.

Các công trình hiện nay chưa kết thúc thi công và chưa bàn giao, thanh quyết toán, tuy nhiên để đảm bảo theo nguyên tắc thận trọng Đơn vị kiểm toán đã so sánh tính toán trên giá trị khối lượng dở dang và giá trị sản lượng còn phải thực hiện để đánh giá lại chi phí dở dang cuối kỳ dẫn đến chênh lệch số liệu sau kiểm toán.

Các dự án Công ty vay tiền để đầu tư, hay dùng nguồn vốn tự có để góp vốn trong năm đều chưa mang lại lợi nhuận, như : Dự án Khu đô thị Hậu Giang; Dự án Văn Phú – Hà Nội; Dự án Light House – Nha Trang; Dự án sân golf Cù Hill - Nha Trang ...

b. Chi phí tài chính: Để có được tiền thi công đúng tiến độ, không vi phạm Hợp đồng đã ký, Công ty đã phải đi vay vốn Ngân hàng. Trong năm 2011, với tỷ lệ lãi vay cao, các Ngân hàng Công ty vay vốn đều với mức lãi suất từ 17% – 24%/ năm. Tổng số lãi vay trong năm 2011 là 54.980.858.202 đồng, trong khi đó năm 2010 chỉ là 17.980.686.175 đồng do vậy việc sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn.

c. Chi phí khác: Là số chênh lệch tăng lên do tính lại khấu hao của các loại công cụ, máy móc thiết bị lưu kho, không tham gia vào thi công các Công trình.

Trong tình hình kinh tế hết sức khó khăn, các dự án Công ty thực hiện đa số là các khu Chung cư cao tầng, việc bán hàng của Chủ đầu tư không thuận lợi dẫn đến việc thanh toán vốn cho Nhà thầu như PVC-SG là rất chậm, là một trong những yếu tố làm cho tình hình sản xuất kinh doanh năm 2011 của PVC-SG gặp quá nhiều khó khăn.

1.3. Các phương án khắc phục trong năm 2012

- ✓ Cơ cấu lại các khoản mục đầu tư của Công ty.
- ✓ Tập trung chủ đạo vào lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.
- ✓ Tham gia đấu thầu và tìm kiếm các công trình xây dựng không chỉ trong ngành Dầu khí, mặt khác mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước.
- ✓ Chi nhận thầu khi có được tính toán một cách đáng tin cậy về lợi nhuận mang lại của Dự án.
- ✓ Thu gọn, cơ cấu lại hoạt động của các phòng ban chức năng. Tiết giảm tối đa chi phí, nâng cao hiệu quả công việc
- ✓ Thực hiện hoàn thành bàn giao các Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện như: Dự án xây dựng Chung cư Petro Vietnam Landmark; Chung cư Petroland Quận 2 ...
- ✓ Nhanh chóng quyết toán các gói thầu, thu hồi vốn hoàn trả nợ vay Ngân hàng, giảm chi phí tài chính.
- ✓ Rà soát lại toàn bộ máy móc, thiết bị giữ lại các tài sản hữu dụng, thanh lý các máy móc đã lỗi thời, công năng thấp, giảm chi phí khấu hao trong kỳ.

2. Thông tin về cổ phiếu

Tại 31/12/2011

THÔNG TIN CỔ PHIẾU		THÔNG TIN SỞ HỮU			
Giá trị sổ sách (đ/cp)	7.649	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cp sở hữu	Tỷ lệ
Giá thị trường (đ/cp)	3.900	PVX	CE lớn	8.712.500	24,89%
Giá thấp nhất 52 tuần	3.200	CCL	CE lớn	2.850.000	8,14%
Giá cao nhất 52 tuần	13.000	PTL	CE lớn	2.625.000	7,50%
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng)	136	ICG	CE lớn	2.600.000	7,43%
Số lượng cổ phiếu lưu hành	35.000.000	Nguyễn Phi Hoàng	Chủ tịch HĐQT	229.121	0,65%
KLGD bình quân 30 ngày	4.700	Phan Chí Trung	Ủy viên HĐQT	913.750	2,61%

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo của kiểm toán độc lập



CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Viet Nam Auditing And Accounting Consultancy Co.ltd (AVA)
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Số: 1541/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn lập ngày 29 tháng 03 năm 2012 gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngô Quang Tiến
Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0448/KTV

Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, Ngày 30 tháng 3 năm 2012

2. Bảng cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.042.039.505.287	853.656.515.476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.230.036.236	139.671.791.453
1. Tiền	111	V.01	11.230.036.236	31.671.791.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	108.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu	130		598.547.478.098	432.118.944.857
1. Phải thu của khách hàng	131		224.422.466.344	338.107.213.004
2. Trả trước cho người bán	132		98.231.464.363	30.316.594.144
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		243.868.214.347	36.741.523.064
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	32.025.333.044	26.953.614.645
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		386.218.147.781	265.170.179.113
1. Hàng tồn kho	141	V.03	386.218.147.781	265.170.179.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.043.843.172	16.695.600.053
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.599.943.091	2.865.640.020
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		757.164.633	145.471.388
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	3.186.037.435	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	32.500.698.013	13.684.488.645
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		476.641.706.072	198.772.909.197
II. Tài sản cố định	220		279.690.576.587	31.923.081.118
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	41.218.120.800	30.971.282.005
- Nguyên giá	222		59.614.263.297	39.674.967.946
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(18.396.142.497)	(8.703.685.941)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	222.611.722.726	56.993.918
- Nguyên giá	228		223.787.041.925	119.825.125
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.175.319.199)	(62.831.207)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	15.860.733.061	894.805.195
III. Bất động sản đầu tư	240	V.09	38.266.868.319	42.079.389.147
- Nguyên giá	241		45.750.250.000	45.750.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(7.483.381.681)	(3.670.860.853)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	71.653.000.000	88.196.999.458
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	50.846.999.458
3. Đầu tư dài hạn khác	258		71.653.000.000	37.350.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		66.503.620.859	36.573.439.474
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	61.913.620.859	31.989.439.474
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.590.000.000	4.584.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		20.527.640.307	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.518.681.211.359	1.052.429.424.673

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.190.908.276.850	675.052.865.590
I. Nợ ngắn hạn	310		1.109.676.369.849	606.588.797.508
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	374.954.996.634	232.619.569.085
2. Phải trả người bán	312		274.191.411.503	201.422.144.490
3. Người mua trả tiền trước	313		118.128.960.074	35.935.874.111
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	104.738.645	14.094.426.902
5. Phải trả công nhân viên	315		20.334.274.386	9.778.303.166
6. Chi phí phải trả	316	V.14	131.828.358.715	16.440.207.708
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HỖXĐ	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	185.847.965.576	91.642.373.394
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.16	3.725.220.198	4.644.630.542
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		560.444.118	11.268.110
II. Nợ dài hạn	330		81.231.907.001	68.464.068.082
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	2.691.374.749	2.691.374.749
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	65.610.592.350	38.413.341.721
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		887.233.263	524.698.919
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.19	12.042.706.639	26.834.652.693
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.708.477.356	377.376.559.083
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	267.708.477.356	377.376.559.083
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.793.099.617	1.152.917.617
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.983.786.345	1.015.194.043
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(86.068.408.606)	25.208.447.423
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		60.064.457.153	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		1.518.681.211.359	1.052.429.424.673

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Võ Phạm Như Nguyệt

Lương Thị Mai Hương

Phan Chí Trung

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2011

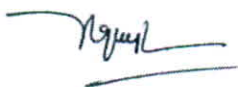
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND
			Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	912.806.608.595
2. Các khoản giảm trừ	02		-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.22	912.806.608.595
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	905.499.441.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.307.167.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	7.568.193.183
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	54.980.858.202
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.980.858.202
8. Chi phí bán hàng	24		46.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		43.557.587.744
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(83.709.085.621)
11. Thu nhập khác	31	VI.26	1.185.635.770
12. Chi phí khác	32	VI.27	4.705.926.542
13. Lợi nhuận khác	40		(3.520.290.772)
14. Phần lợi nhuận lãi lỗ trong công ty liên kết	45		-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(87.229.376.393)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.28	7.008.626
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(87.236.385.019)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		3.336.477
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	62		(87.239.721.496)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20.5	(2.493)

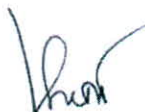
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Võ Phạm Như Nguyệt

Lương Thị Mai Hương

Phan Chí Trung

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(87.229.376.393)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
+ Khấu hao tài sản cố định	02	14.633.252.712
+ Các khoản dự phòng	03	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(4.047.902.411)
+ Chi phí lãi vay	06	54.980.858.202
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(21.663.167.890)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(185.244.742.609)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(121.047.968.668)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không lãi vay phải trả và thuế TNDN)	11	251.813.379.738
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	32.658.484.456
- Tiền lãi vay đã trả	13	(53.029.303.431)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.772.456.395)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	34.152.276.967
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(113.665.397.091)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(184.798.894.923)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(85.123.704.512)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	43.862.857
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.663.890.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.568.193.183
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(88.175.538.472)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	539.620.771.308
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(370.088.093.130)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.000.000.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	148.532.678.178
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(124.441.755.217)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	139.671.791.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.230.036.236

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Phạm Như Nguyệt



Lương Thị Mai Hương



Phan Chí Trung

5. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đ/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385, đăng ký lần đầu ngày 28/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/01/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp số 873/HĐSN giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex ngày 30 tháng 12 năm 2009 hai bên đồng ý việc sáp nhập Công ty cổ phần Xây lắp Incomex vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn kể từ ngày 01/01/2010.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.HCM. Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp như sau:

Công ty mẹ

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

Công ty con do Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đầu tư nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối

- Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200717899 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 31/05/2011, Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng có số vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Danh sách cổ đông sáng lập gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn có tỷ lệ góp vốn 80% tương ứng 240.000.000.000 đồng, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA) có tỷ lệ góp vốn 15% tương ứng 45.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí (PVFC LAND) góp vốn 5% tương ứng 15.000.000.000 đồng).

Đến thời điểm ngày 31/12/2011 số vốn thực góp như sau:

Tên Doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại 31/12/2011
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng	228.850.000.000	73,78%	168.850.000.000

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385, đăng ký lần đầu ngày 28/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/01/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đ/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không sản xuất, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác: Tư vấn về môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Máy móc thiết bị cho sản xuất công nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Đại lý; Môi giới (trừ môi giới bất động sản).

3. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh toàn bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Tên Doanh nghiệp	Quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty mẹ	Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	Công ty con	Số 04 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Tân Lập, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đ/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu;

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm các báo cáo kế toán của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và các Đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực, trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các Đơn vị thành viên sẽ hợp nhất từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát;

Giá trị hợp lý tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua được xác định theo giá trị sổ kế toán;

2. Cơ sở hạch toán kế toán và nguyên tắc định giá

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập dựa trên nguyên tắc kế toán dồn tích và được ghi sổ theo nguyên tắc giá phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết dư trên Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, đầu năm sau ghi ngược lại để xóa số dư;

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được coi là tương đương tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
Đ/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá vốn trong kỳ được xác định bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ cộng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao áp dụng phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó;

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trừ khi:

- Khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Công ty liên kết hoạt động theo các quy định hạn chế khắt khe dài hạn làm cản trở đáng kể việc chuyển giao vốn cho nhà đầu tư.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư có thể bao gồm những khoản phát sinh từ việc đánh giá lại TSCĐ và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và những điều chỉnh các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm 2011 là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư hạch toán trên sổ kế toán thấp hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

D/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011 hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011;

Các chi phí sau đây đã phát sinh cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011 nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tiền lương

Quỹ dự phòng tiền lương được trích lập để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không sử dụng vào mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đ/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác biếu, tặng sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng và khoản bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh; Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất được kết dư trên Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, sang đầu kỳ kế toán tiếp theo ghi bút toán ngược lại để xóa số dư;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đ/c: Số 11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, P.6, Quận 3, TP.HCM Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ hoặc số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
1 . Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	6.044.981.914	1.160.107.099
Tiền gửi ngân hàng	5.185.054.322	30.511.684.354
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	11.230.036.236	31.671.791.453
2 . Các khoản phải thu khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác tại Văn phòng Công ty	12.353.623.896	870.107.950
Phải thu khác tại Chi nhánh Hà Nội	19.663.931.370	26.083.506.695
Phải thu khác tại Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	7.777.778	-
Cộng	32.025.333.044	26.953.614.645
3 . Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.515.604.230	111.246.116
Công cụ, dụng cụ	843.873.433	465.232.181
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	341.344.165.515	253.995.606.816
Hàng hóa	30.514.504.603	10.598.094.000
Cộng	386.218.147.781	265.170.179.113
4 . Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.186.037.435	-
Cộng	3.186.037.435	-
5 . Tài sản ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng tại Văn phòng	25.721.980.335	5.173.023.898
Tạm ứng tại Chi nhánh Hà Nội	4.657.554.151	4.441.131.747
Tạm ứng tại Trung tâm Cơ Điện	-	2.496.933.000
Tiền ký cược ngắn hạn tại Văn phòng	1.579.440.000	1.544.400.000
Tiền ký cược ngắn hạn tại Chi nhánh Hà Nội	29.000.000	-
Tiền ký cược ngắn hạn tại Trung tâm Cơ Điện	-	29.000.000
Tạm ứng tại Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	512.723.527	-
Cộng	32.500.698.013	13.684.488.645

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

11 Bis, Nguyễn Gia Thiệu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 kèm theo)

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại ngày 01/01/2011	-	119.825.125	119.825.125
Số tăng trong năm	223.667.216.800	-	223.667.216.800
- Mua trong năm (*)	23.896.770.800	-	23.896.770.800
- Tăng do hợp nhất (**)	199.770.446.000	-	199.770.446.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	223.667.216.800	119.825.125	223.787.041.925
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	-	62.831.207	62.831.207
Số tăng trong năm	1.079.663.434	32.824.558	1.112.487.992
- Khấu hao trong năm	1.079.663.434	32.824.558	1.112.487.992
Số giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	1.079.663.434	95.655.765	1.175.319.199
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	-	56.993.918	56.993.918
Tại ngày 31/12/2011	222.587.553.366	24.169.360	222.611.722.726

(*) Giá trị quyền sử dụng đất tại xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giá trị quyền sử dụng đất tại 44-46 Lê Thánh Tôn, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Ngày 31/12/2011

Ngày 01/01/2011

	VND	VND
Máy Vận thăng	894.805.195	894.805.195
Chi phí san lấp kho Bình Chánh	468.906.022	
Dự án tòa nhà Light house Nha Trang	14.497.021.844	
Cộng	15.860.733.061	894.805.195

9 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	45.750.250.000	0	-	45.750.250.000
Quyền sử dụng đất				
Nhà	45.750.250.000			45.750.250.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế	3.670.860.853	3.812.520.828	-	7.483.381.681
Quyền sử dụng đất				
Nhà	3.670.860.853	3.812.520.828		7.483.381.681
III. Giá trị còn lại	42.079.389.147			38.266.868.319
Quyền sử dụng đất	0			
Nhà (*)	42.079.389.147			38.266.868.319

(*) Giá trị bất động sản đầu tư là tòa nhà PVC-SG tại số 11 Bis Nguyễn Gia Thiệu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN (PVC-SG)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

10 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 31/12/2011		Ngày 01/01/2011	
	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị VND	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị VND
Dầu tư vào công ty liên kết, liên doanh				
- Cty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng				50.846.999.458
Dầu tư dài hạn khác				50.846.999.458
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí (*)		71.653.000.000		37.350.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (**)		7.000.000.000		7.000.000.000
- Dự án chung cư cao tầng và DV thương mại CT10-11 Văn Phú (***)		30.350.000.000		30.350.000.000
		34.303.000.000		-
Cộng		71.653.000.000		88.196.999.458

(*) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí tương đương với 700.000 cổ phần chiếm 10.84% Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí.

(**) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tương đương với 3.035.000 cổ phần chiếm 10.12% Vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

(***) Hợp đồng số 12/2011/PVFI-PVC-SG ngày 14/03/2011 về việc chuyển nhượng phần vốn đã góp dự án “Chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại” giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

11 . Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	56.013.596.009	31.989.439.474
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	56.013.596.009	31.989.439.474
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	5.900.024.850	-
Lãi chậm nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất	4.397.676.000	-
Công cụ dụng cụ, giá trị sửa chữa lớn chờ phân bổ	388.181.815	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.114.167.035	-
Cộng	61.913.620.859	31.989.439.474

12 . Vay và nợ ngắn hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	367.954.996.634	225.619.569.085
Tại Văn phòng Công ty	367.954.996.634	182.621.705.516
Ngân hàng Đầu tư Hà Nội (1)	35.876.985.772	40.346.567.711
Ngân hàng Vietinbank (2)	146.043.334.653	-
Ngân hàng Oceanbank (3)	99.912.312.503	98.228.570.776
Ngân hàng phát triển Nhà thành phố HCM (4)	23.137.782.775	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (5)	59.000.000.000	-
Công ty cổ phần tài chính Dầu khí		44.046.567.029
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	3.984.580.931	-
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	42.997.863.569
Ngân hàng Vietinbank Chương Dương		23.398.606.878
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		19.599.256.691
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	374.954.996.634	232.619.569.085

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐNT ngày 01/07/2011 với hạn mức tối đa là 40 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và tài sản của bên thứ 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 54/2011/HĐNT ngày 24/06/2011 với hạn mức tối đa là 150 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và bảo lãnh của bên thứ 3.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0091/2011/HĐTD1-OCEANBANK03 ngày 12/10/2011 với hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo thư bảo lãnh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 148/10 ngày 30/08/2010 với hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng; Bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu từ hợp đồng số 02/HĐKT/2010/PVPLS-PVC ngày 12/04/2010 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần Bất động sản điện lực dầu khí Việt Nam Phương Nam và Tổng Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Sài Gòn.

(5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1032845A.HĐTD.HCM ngày 14/09/2011 với hạn mức tối đa là 60 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo tài sản của bên thứ 3.

13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	7.973.927.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.594.429.155
Thuế thu nhập cá nhân	104.738.645	526.069.834
Cộng	104.738.645	14.094.426.902

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	121.708.351.470	12.919.709.907
Dự Án Khu Đô Thị Hậu Giang	8.197.431.960	406.540.115
CT Mở rộng kho xăng dầu Nhà Bè	1.368.550.387	-
Tòa nhà VP 16 Trương Định	-	3.249.856.070
HM Phụ Trợ - NMĐ Nhơn Trạch II	-	646.291.921
PV Power Landmark An Phú Quận 2	81.758.737.064	-
Bệnh viện điều dưỡng Thanh Hóa	1.891.923.992	-
CT Tòa Nhà Petroland- Khu đô thị đông thủ thiêm	3.114.424.525	-
CT Chung cư cao cấp Mỹ Phú Q7	676.252.554	3.023.454.612
CT: Chung cư cao tầng Linh tây -Q.Thủ Đức	693.033.918	3.761.108.404
CT.Sân golt Nha Trang	-	-
CT Khang Thông Apartment Huỳnh Tấn Phát - Q7	8.742.443.332	1.748.270.603
CT Ngô Gia Tự - Hà Nội	2.824.377.812	-
Nhà máy xả phòng	6.419.202.503	-
CT Co.op Mark Trà Vinh	69.089.340	-
CT 409 Lĩnh Nam (Megastar)	2.230.878.933	-
CT Chung Cư B4 Kim Liên - Phần Thân	1.675.288.379	-
HM Các Khu vực và hệ thống chính trong xây dựng - NM điện Nhơn Trạch II	76.242.000	-
Chi phí chung Văn phòng Công ty	18.920.000	-
Lãi vay trích trước	1.951.554.771	-
135-137 Bùi Thị Xuân	-	84.188.182
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Hà Nội	10.120.007.245	3.520.497.801
Cộng	131.828.358.715	16.440.207.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Ngày 31/12/2011 VND	Ngày 01/01/2011 VND
15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ xử lý		-
Kinh phí công đoàn	571.511.971	366.082.259
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	42.536.105	2.550.971
Phải trả Công ty CP Xây dựng Sông Hồng (Mua lại cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang)	243.930.729	21.123.377.000
Phải trả Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (Mua lại dự án bất động sản tại Hậu Giang)		7.000.000.000
Phải trả Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Mua lại dự án bất động sản tại Hậu Giang)		10.000.000.000
Phải trả TCT Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (Tiền vay mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng)	179.912.859.769	40.677.599.566
Phải trả ban quản lý dự án đất đai Cà Mau		-
Phải trả Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.459.861.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.617.266.002	12.472.763.598
Cộng	185.847.965.576	91.642.373.394
16 . Dự phòng phải trả ngắn hạn		
	Ngày 31/12/2011 VND	Ngày 01/01/2011 VND
Khu TDTT lô E nhà máy đạm Phú Mỹ	248.691.505	619.455.857
Công trình sửa chữa nhà khách Tập đoàn Dầu khí		248.691.505
Văn phòng phía nam Tổng Công ty XLĐK Việt Nam		99.796.890
Tòa nhà 16 Trương Định	217.559.151	357.343.878
Công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch II	2.609.807.530	2.613.600.000
Công trình Nhà trẻ mẫu giáo Lô G - Phú Mỹ		-
Đồ bù sản bê tông CT Tòa Nhà Thủ Đức		-
CT Nhà Cộng đồng B7, B10 Kim Liên	37.524.400	-
Trung Tâm Đăng Kiểm xe cơ giới 29-02V	242.301.852	-
Tòa nhà Thủ Đức		56.580.400
Nhà công cộng B7, B10 Kim Liên		37.524.400
Trung Tâm Đăng Kiểm xe cơ giới 29-02V		242.301.852
Nhà ở 5 tầng Bộ Công An	369.335.760	369.335.760
Cộng	3.725.220.198	4.644.630.542
17 Phải trả dài hạn khác		
	Ngày 31/12/2011 VND	Ngày 01/01/2011 VND
Nhận ký cược thuê phòng tại tòa nhà 11 Bis	2.691.374.749	2.691.374.749
Cộng	2.691.374.749	2.691.374.749

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

18 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	65.610.592.350	38.413.341.721
Vay dài hạn PVFC (*)	38.804.623.600	13.913.341.721
Vay dài hạn VIBank (**)	17.500.000.000	24.500.000.000
Vay dài hạn Oceanbank (***)	9.305.968.750	-
Cộng	65.610.592.350	38.413.341.721

(*) Hợp đồng tín dụng số 18/2009/HMTD-TCCK-CNHCM.TD ngày 27/10/2009 với số tiền nhận nợ lần này là 38.905.241.286 đồng; Thời hạn cho vay là 48 tháng; Lãi suất 12%/năm; Mục đích tài trợ vốn dự án Hậu Giang.

(**) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0405/HMTD2-VIB625/10 ngày 22/04/2010 với số tiền là 35 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần; Mục đích tài trợ một phần dự án đầu tư mua quyền sử dụng tòa nhà 11 Bis Nguyễn Gia Thiều. Tài sản thế chấp là tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều với giá trị 46.508.040.000 đồng.

(***) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0036/2010/HDDTD1-OCEANBANK03 ngày 04/10/2010, số tiền 20.800.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng; Lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; Mục đích vay: đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay, tổng giá trị: 41.698.868.800 đồng.

19 . Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
CT Chung cư cao cấp Mỹ Phú Q7	-	17.409.090.909
CT Siêu thị Coop mart Trà Vinh	2.001.429.252	-
HM Các Khu vực và hệ thống chính trong xây dựng - NM diện Nhơ	1.368.095.636	-
Phải thu khách, chi phí tòa nhà 11 Bis	8.173.181.751	8.925.561.784
Doanh thu chưa thực hiện chi nhánh HN	500.000.000	500.000.000
Cộng	12.042.706.639	26.834.652.693

20 . Vốn chủ sở hữu

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 02 kèm theo)

20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.125.000.000	62.125.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	26.000.000.000	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	28.500.000.000	28.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	26.250.000.000	26.250.000.000
Các cổ đông khác	182.125.000.000	207.125.000.000
Cộng	350.000.000.000	350.000.000.000

20.3. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	130.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	220.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	350.000.000.000	350.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
20.4. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

20.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011
	VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(87.239.721.496)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(87.239.721.496)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.493)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

21 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011
	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	842.351.183.167
Doanh thu kinh doanh bất động sản	54.712.648.031
Doanh thu cho thuê nhà	15.742.777.397
Cộng	912.806.608.595

22 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011
	VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	842.351.183.167
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	54.712.648.031
Doanh thu thuần cho thuê nhà	15.742.777.397
Cộng	912.806.608.595

23 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2011
	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	842.556.136.136
Giá vốn kinh doanh bất động sản	52.952.763.426
Giá vốn cho thuê nhà	9.990.541.891
Cộng	905.499.441.453

24 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011
	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.568.193.183
Doanh thu hoạt động tài chính khác	
Cộng	7.568.193.183

25 . Chi phí tài chính

	Năm 2011
	VND
Lãi tiền vay	54.980.858.202
Chi phí tài chính khác	
Cộng	54.980.858.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN

11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

26 . Thu nhập khác

Giảm chi phí bảo hành công trình
Thu về tiền điện, nước tại công trình bán cho thầu phụ
Thu nhập khác

Cộng

Năm 2011

VND

99.796.890

393.338.151

692.500.729

1.185.635.770

Năm 2011

513.494.524

788.306.977

3.395.825.041

8.300.000

4.705.926.542

27 . Chi phí khác

Chi về tiền điện, nước tại công trình bán cho thầu phụ
Khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng
Chi phí khác

Chi phí mang tính phúc lợi

Cộng

28 . Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải nộp của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng

Cộng

Năm 2011

VND

7.008.626

7.008.626

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LCTT

Chi tiêu: Tăng, giảm các khoản phải trả trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không bao gồm công nợ phải trả của hoạt động đầu tư, cụ thể:

Phải trả về các khoản đầu tư

Ngày 31/12/2011

VND

185.233.917.500

185.233.917.500

Ngày 01/01/2011

VND

91.273.740.164

91.273.740.164

VIII . CÁC THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Stt	Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ biểu quyết
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	Cổ đông sáng lập	24,89%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	Cổ đông sáng lập	8,14%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cổ đông sáng lập	7,5%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	Cổ đông sáng lập	7,43%
5	Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang	Công ty nhận vốn góp	10,12%
6	Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty nhận vốn góp	10,84%

b) Các giao dịch với bên liên quan

Stt	Tên Công ty	Nội dung dịch vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	Nhận tiền vay	182.985.695.547
2	Công ty cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	Cung cấp sản phẩm xây lắp	28.368.571.847
3	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cung cấp sản phẩm xây lắp	165.744.673.298
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	Cung cấp sản phẩm xây lắp	102.893.979.701
5	Công ty cổ phần Dầu khí Nha Trang	Cung cấp sản phẩm xây lắp	14.069.198.000
6	Công ty cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Nhận sản lượng xây lắp	436.350.312

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

c) Các số dư với bên liên quan

Stt	Tên Công ty	Phải thu/Phải trả	Số dư công nợ
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	Phải trả	179.912.859.769
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	Phải trả	36.998.028.084
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Phải thu	89.514.258.890
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	Phải thu	13.915.033.516
5	Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang	Phải thu	1.305.961.700
6	Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Phải trả	271.992.583

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2011, Công ty có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản lưu động là 67.636.864.562 đồng. Điều này dẫn tới nghi ngờ của Kiểm toán viên về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đã đánh giá và khẳng định rằng khả năng thanh toán đã được cải thiện trong năm 2012. Do đó Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty được Ban giám đốc lập dựa trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

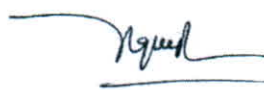
3. Thông tin so sánh

Năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31/12/2011 là năm tài chính đầu tiên Công ty Hợp nhất Báo cáo tài chính. Do vậy số liệu so sánh chỉ có số liệu trên Bảng Cân đối kế toán (là số liệu của Công ty Mẹ).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012







Võ Phạm Như Nguyệt

Lương Thị Mai Hương

Phan Chí Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Thiết bị dụng cụ quản lý và TS khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2011	2.700.491.217	25.936.606.763	8.696.301.580	-	2.341.568.386	39.674.967.946
Số tăng trong năm	1.750.044.545	16.861.319.802	909.015.454	-	891.819.309	20.412.199.110
- Mua trong năm	1.750.044.545	16.536.036.725	222.052.727	-	681.458.128	19.189.592.125
- Tăng khác	-	325.283.077	-	-	21.500.000	346.783.077
- Tăng do hợp nhất	-	-	686.962.727	-	-	686.962.727
Số giảm trong năm	-	(147.620.682)	-	-	188.861.181	875.823.908
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.640.682)	-	-	(325.283.077)	(472.903.759)
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-	(13.640.682)
- Giảm khác	-	(133.980.000)	-	-	-	(133.980.000)
Tại ngày 31/12/2011	4.450.535.762	42.650.305.883	9.605.317.034	-	(325.283.077)	459.263.077
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	2.908.104.618	59.614.263.297
Tại ngày 01/01/2011	845.157.812	5.104.798.257	1.720.226.382	-	1.033.503.490	8.703.685.941
Số tăng trong năm	967.070.655	6.630.557.788	1.605.370.197	-	553.913.494	9.756.912.134
- Khấu hao trong năm	967.070.655	6.630.557.788	1.585.838.597	-	524.776.852	9.708.243.892
- Mua lại TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	19.531.600	-	-	19.531.600
Số giảm trong năm	-	(56.864.892)	(7.590.686)	-	29.136.642	48.668.242
- Thanh lý, giảm khác	-	(56.864.892)	(7.590.686)	-	-	(64.455.578)
Tại ngày 31/12/2011	1.812.228.467	11.678.491.153	3.318.005.893	-	1.587.416.984	18.396.142.497
Giá trị còn lại	-	-	-	-	1.320.687.634	30.971.282.005
Tại ngày 01/01/2011	1.855.333.405	20.831.808.506	6.976.075.198	-	1.308.064.896	30.971.282.005
Tại ngày 31/12/2011	2.638.307.295	30.971.814.730	6.287.311.141	-	1.320.687.634	41.218.120.800

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN (PVC-SG)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN
11 Bis, Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND	
								Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	350.000.000.000	-	-	-	1.152.917.617	1.015.194.043	-	25.208.447.423	377.376.559.083
Tăng vốn trong năm nay					640.182.000	968.592.302			1.608.774.302
Tăng do hợp nhất								233.124.445	233.124.445
Lãi lỗ năm nay								(87.239.721.496)	(87.239.721.496)
Giảm vốn trong năm nay									
Phân phối lợi nhuận (*)									-
Chia cổ tức								3.209.138.302	3.209.138.302
Giảm do hợp nhất								21.000.000.000	21.000.000.000
Số dư cuối năm nay	350.000.000.000	-	-	-	1.793.099.617	1.983.786.345	-	61.120.676	61.120.676
								(86.068.408.606)	267.708.477.356

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Các Công ty PVC-SG tham gia góp vốn:

1. Công ty CP Đầu tư Hải Đăng

Vốn điều lệ: 300 tỷ

Tỷ lệ PVC-SG góp vốn: 240 tỷ (chiếm 80% Vốn điều lệ)

Địa chỉ: Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang

SĐT: 0583.523.491/492 Fax: 0583.523.493

2. Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)

Vốn điều lệ: 300 tỷ

Tỷ lệ PVC-SG góp vốn: 30.35 tỷ (chiếm 10.117 % Vốn điều lệ)

Địa chỉ: 04, An Dương Vương, Lê Chân, P. Phước Tân, Nha Trang, Khánh Hòa

SĐT: 0583.877.318 Fax: 0583.875.835

3. Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)

Vốn điều lệ: 70 tỷ

Tỷ lệ PVC-SG góp vốn: 7 tỷ (chiếm 10 % Vốn điều lệ)

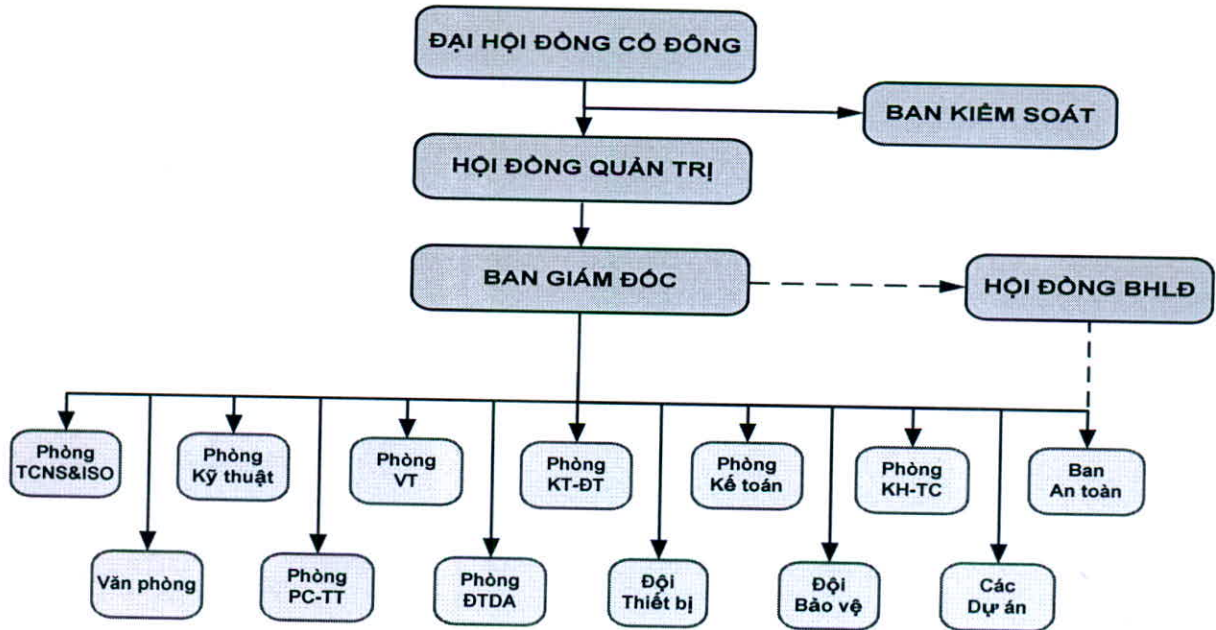
Địa chỉ: Tầng 5, 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, P.6, Q.3, TP HCM

SĐT: 08.3930.7888 Fax: 08.3930.1333

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA PVC-SG



Chú thích:

- Phòng TCNS & ISO : Phòng Tổ chức Nhân sự & ISO
- Phòng VT : Phòng Vật tư
- Phòng KH-TC : Phòng Kế hoạch – Tài chính

Căn cứ những quy định của pháp luật cụ thể là (1) Luật Doanh nghiệp 2005 và (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, PVC-SG có cơ cấu tổ chức gồm: HĐQT, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, 13 Phòng ban chức năng, có tổ chức Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn thanh niên phối hợp chặt chẽ với nhau thúc đẩy cho mọi hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay là 5 người trong đó có 3 người chuyên trách. Ban Giám đốc Công ty gồm 3 Phó Giám đốc Công ty để giúp Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Tóm tắt lý lịch của Ban Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SINH NĂM	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Ông Phan Chí Trung	Giám đốc	1970	Quản lý thi công
2	Ông Trịnh Xuân Hùng	Phó Giám đốc	1974	Quản trị kinh doanh xây dựng
3	Ông Trần Đạo Đức	Phó Giám đốc	1973	Kinh tế đối ngoại
4	Ông Văn Mạnh Dũng	Phó Giám đốc	1974	Kỹ sư xây dựng

3. Số lượng cán bộ, chính sách đối với người lao động

Công ty có 636 cán bộ công nhân viên trong đó: Cán bộ chuyên môn 101 người, Cán bộ kỹ thuật 211 người.

4. Chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo:

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng, các khóa học chuyên ngành, đào tạo phòng cháy chữa cháy, đào tạo kỹ năng mềm...

Chính sách lương, thưởng:

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của PVC-SG gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện. Về quy định chung, PVC-SG có các chế độ cơ bản như sau:

- ✓ Một năm, nhân viên được hưởng tối thiểu 13 tháng lương
- ✓ Nhân viên được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc
- ✓ Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu theo Quý, năm, thưởng sáng kiến.
- ✓ Thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia (tết dương lịch; tết âm lịch; quốc tế phụ nữ 8-3; Giải phóng miền Nam 30-4; Tết độc lập 2-9...) và các dịp thưởng của Tập đoàn và Tổng công ty.

Chính sách phụ cấp, bảo hiểm, y tế:

Tất cả nhân viên chính thức của PVC-SG đều được hưởng chế độ phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của PVC-SG còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn, v.v...

Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác:

Ngoài ra còn các tổ chức như Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức xã hội được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. PVC-SG thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho cán bộ công nhân viên như tổ chức sinh nhật cho CBNV hàng tháng, tổ chức gặp mặt con thương binh liệt sĩ 27/7, tổ chức gặp mặt cựu chiến binh ...

PVC-SG đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện... thông qua đó xây dựng tinh thần tương thân tương ái, đùm bọc trong tập thể nhân viên PVC-SG và đối với xã hội.

Năm 2011, mỗi người lao động được nhận 13 tháng lương. Thu nhập bình quân là 7,7 triệu đồng/người/tháng.

VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Phi Hoàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Phan Chí Trung	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Đinh Văn Hưng	Ủy viên HĐQT
4	Ông Lê Lâm	Ủy viên HĐQT
5	Ông Trần Mạnh Dũng	Ủy viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Dương Thành Tín	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Phạm Minh Cường	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Bích Tư	Thành viên Ban kiểm soát

3. Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2011

(thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2011)

✓ Tổng thù lao của Hội đồng quản trị : 756.327.267 đồng

✓ Tổng thù lao của Ban kiểm soát : 368.923.510 đồng

4. Phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2012

4.1. Đối với thành viên HĐQT và Ban kiểm soát chuyên trách là Người đại diện của Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Thực hiện theo Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại doanh nghiệp khác.

4.2. Đối với thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không phải là Người đại diện của Tổng Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chuyên trách: thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

Mức thù lao cho ủy viên kiêm nhiệm HĐQT: 3.000.000 đồng /tháng

Mức thù lao cho thành viên kiêm nhiệm Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần tại 15/3/2011	Số cổ phần tại 31/12/2011
1	Ông Nguyễn Phi Hoàng	Chủ tịch	228.721	229.121
2	Ông Phan Chí Trung	Ủy viên/Giám đốc	913.750	913.750
3	Ông Đinh Văn Hưng	Ủy viên	87.000	87.000
4	Ông Lê Lâm	Ủy viên	92.500	50.000
5	Ông Trần Mạnh Dũng	Ủy viên	45.000	45.000

6. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Danh sách cổ đông sáng lập:

Stt	Cổ đông sáng lập	Số cổ phần tại 31/12/2011	Tỷ lệ năm giữ
1	Tổng Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.712.500	24,89%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	2.600.000	7,43 %
3	Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí – IDICO Long Sơn	2.850.000	8,14 %
4	Ông Phan Chí Trung	913.750	2,61 %
5	Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ và Xây dựng Đại Kim	87.500	0,25 %
	Tổng cộng	15.163.750	43,32%

Căn cứ theo Khoản 5, Điều 84 của Luật Doanh Nghiệp, cổ phiếu của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn ba năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Theo đó, từ sau ngày 28/7/2011, cổ phiếu của các cổ đông sáng lập của PVC-SG đã hết bị hạn chế chuyển nhượng.

TP HCM, ngày 15 tháng 4 năm 2012

GIÁM ĐỐC



Phan Chí Trung